TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 02 - 2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2020, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Trúc L, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2020 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Trúc L trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2000 bà (Nguyễn Trúc L) và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh C ngày 08/5/2008. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên sau quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên tranh cải, mâu thuẫn mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà và ông Nguyễn Văn C không còn chung sống với nhau từ năm 2015. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không

đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Về con chung có 01 người tên là Nguyễn Minh Ch (giới tính nam) sinh ngày 01/01/2000 hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/01/2020, bị đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về thời gian chung sống, việc có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mâu thuẫn, thời gian không còn sống chung đúng như bà Nguyễn Trúc L trình bày. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Trúc L. Về con chung đúng như bà Nguyễn Trúc L đã khai, hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc đi lại gặp nhiều khó khăn nên ông yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Trúc L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn C.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Nguyễn Trúc L và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh C, được chứng nhận kết hôn vào ngày 08/5/2008. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Trúc L và ông Nguyễn Văn C được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà Nguyễn Trúc L xác định vợ chồng thường xuyên tranh cải, mâu thuẫn mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà Nguyễn Trúc L và ông Nguyễn Văn C không còn sống chung với nhau từ năm 2015, hiện không thể hàn gắn và tiếp tục cuộc sống chung. Bà Nguyễn Trúc L nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Ông Nguyễn Văn C có ý kiến bằng văn bản thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Trúc L, ông Nguyễn Văn C đồng ý ly hôn, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Trúc L và ông Nguyễn Văn C đã và đang trầm trọng, bà Nguyễn Trúc L cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà Nguyễn Trúc L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Trúc L và ông Nguyễn Văn C thống nhất xác định cả hai có với nhau 01 người con chung tên là Nguyễn Minh Ch (giới tính nam) sinh ngày 01/01/2000 hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống nên cả hai không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Trúc L phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Trúc L ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Trúc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Trúc L đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019790, ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã V, huyện N, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước